

Số: 4905 /KH-SYT

Đồng Nai, ngày 18 tháng 7 năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Tăng cường công tác phòng, chống dịch Sốt xuất huyết trên địa bàn tỉnh 6 tháng cuối năm 2022**

Căn cứ Công điện số 815/CD-BYT ngày 21/6/2022 của Bộ Y tế về việc tăng cường công tác phòng, chống bệnh sốt xuất huyết;

Căn cứ Công văn số 5903/UBND-KGVX ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh về việc tăng cường phòng, chống dịch Sốt xuất huyết trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 6409/UBND-KGVX ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Công điện số 815/CD-BYT ngày 21/6/2022 của Bộ Y tế;

Căn cứ Công văn số 2028/PAS-KSBT ngày 30/5/2022 của Viện Pasteur TP.HCM về kết quả kiểm tra hoạt động giám sát tử vong và phòng chống sốt xuất huyết tỉnh Đồng Nai, theo đó, khuyến nghị tỉnh tăng cường phòng, chống dịch bệnh sốt xuất huyết, giảm ca bệnh tử vong;

Dịch Sốt xuất huyết Dengue (SXHD) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai bắt đầu gia tăng bất thường kể từ tuần 12 năm 2022 và đang diễn biến phức tạp. Đến ngày 14/7/2022, toàn tỉnh ghi nhận 11.832 ca mắc sốt xuất huyết, trong đó có 7.028 ca trẻ em dưới 15 tuổi và 10 ca tử vong. Số ca mắc sốt xuất huyết đều tăng ở 11/11 huyện, thành phố so với cùng kỳ năm 2021.

Trước tình hình đó, để kịp thời thực hiện các biện pháp ứng phó với dịch Sốt xuất huyết trong các tháng cuối năm 2022, Sở Y tế tỉnh Đồng Nai xây dựng Kế hoạch tăng cường công tác phòng, chống dịch Sốt xuất huyết trên địa bàn tỉnh 6 tháng cuối năm 2022, cụ thể như sau:

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu chung**

Chủ động phòng, chống dịch sốt xuất huyết, hạn chế thấp nhất số ca mắc và ca tử vong, không để dịch sốt xuất huyết bùng phát, lan rộng trên địa bàn.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

- 100% các điểm nóng về dịch sốt xuất huyết được triển khai diệt lăng quăng hàng tuần.
- Ít nhất 95% ổ dịch sốt xuất huyết được xử lý theo đúng quy định.
- 90% các điểm bùng phát dịch được triển khai phun hóa chất dập dịch diện rộng.

- Đảm bảo vật tư, trang thiết bị, hóa chất, máy phun sẵn sàng chống dịch.

## **II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Diệt lăng quăng, bọ gậy**

- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố theo dõi sát tình hình ca bệnh, lên danh sách các xã, phường, thị trấn đang bùng phát dịch, tham mưu UBND huyện, thành phố triển khai kế hoạch diệt lăng quăng, kiểm tra giám sát quá trình thực hiện, đảm bảo theo đúng quy trình kỹ thuật.

- UBND các xã, phường, thị trấn chỉ đạo Trạm Y tế, các ban ngành, đoàn thể xã, các ấp, khu phố, tổ dân cư, cộng tác viên y tế triển khai các hoạt động diệt lăng quăng, vệ sinh môi trường; phân công cụ thể trách nhiệm cho từng thành viên, phụ trách kiểm tra giám sát từng địa bàn; phối hợp các ban ngành huy động các nguồn lực từ cộng đồng để phòng chống dịch.

- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố giám sát các chỉ số côn trùng; đảm bảo chỉ số lăng quăng giảm >90%, hoặc BI <20, nếu không đủ tiêu chuẩn tiếp tục triển khai lại chiến dịch.

### **2. Xử lý ổ dịch**

- Tại vùng lưu hành dịch, tất cả các ca bệnh phải được điều tra, diệt lăng quăng, bọ gậy tại hộ gia đình có ca bệnh và các hộ xung quanh nhà ca bệnh trong bán kính 200m. Thời gian diệt lăng quăng tối đa 48 giờ sau khi nhận được thông tin, khống chế, ngăn chặn không để dịch lây lan ra các địa bàn khác (thực hiện theo quy trình xử lý ổ dịch SXHD - QTSXH-1.14).

- Nghiêm túc xử lý triệt để, kịp thời ổ dịch (ít nhất 95% ổ dịch) ngay khi còn ở quy mô, phạm vi nhỏ trên địa bàn ấp/khu phố, ngăn chặn không để dịch SXHD phát triển và lan rộng ra các địa bàn khác. Thời gian xử lý ổ dịch tối đa 48 giờ sau khi xác minh được ổ dịch.

- Tiêu chí xác định ổ dịch sốt xuất huyết Dengue như sau:

- + 1 ca SXHD tử vong hoặc;
- + 1 ca SXHD nặng hoặc;
- + Ít nhất 2 ca SXHD trong 1 tuần trong 1 ấp hoặc;
- + 1 ca SXHD xét nghiệm Dengue (+).

Số ổ dịch dự kiến xử lý trong 6 tháng cuối năm 2022 là 500 ổ dịch.

### **3. Phun hóa chất diện rộng**

- Thực hiện theo quy trình tổ chức phun hóa chất chủ động, dập dịch diện rộng phòng, chống SXHD – QTSXH-3.14:

+ Phun hóa chất bằng máy phun lớn: Sử dụng máy phun lớn ULV - phun sương lạnh (đặt trên xe ô tô di chuyển theo các tuyến đường), hóa chất pha với nước theo tỷ lệ 1:10, liều lượng phun 500ml/ha. Riêng phương pháp phun hóa chất mù nhiệt (phun dưới dạng khói, độ lan tỏa rất mạnh, có thể len lỏi sâu vào

các góc ngách và các vườn cây), hóa chất pha với dầu Diesel theo tỷ lệ 1:100, liều lượng phun 2.000ml/ha.

+ Phun hóa chất bằng máy phun đeo vai: Sử dụng máy phun hóa chất đeo vai với đầu phun 0.65, phun trong nhà và xung quanh nhà các hộ dân. Hóa chất pha với nước theo tỷ lệ 1:10, mỗi nhà phun 20ml, thời gian phun từ 30-40 giây, hướng vòi phun 45<sup>0</sup> hướng lên trên.

- Địa bàn phun hóa chất tăng cường dự kiến là 70 điểm phun, mỗi điểm phun có diện tích 300 ha (là các ấp/ khu phố đang bùng phát dịch SXHD). Tổng số hộ dân dự kiến được phun hóa chất diệt muỗi trong 6 tháng cuối năm 2022 là 210.000 hộ (3.000 hộ/điểm phun).

#### **4. Truyền thông**

- Tăng cường truyền thông về bệnh sốt xuất huyết trên các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông trực tiếp, phát tờ rơi tới từng hộ gia đình (đội ngũ cộng tác viên y tế hoặc các lực lượng tình nguyện,... hướng dẫn cầm tay chỉ việc cho từng hộ gia đình).

- Ký cam kết diệt lăng quăng giữa UBND xã với từng hộ gia đình, kiểm tra giám sát quá trình thực hiện cam kết, có hình thức xử phạt đối với các hộ gia đình và doanh nghiệp theo Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020.

#### **5. Đảm bảo hóa chất, vật tư, trang thiết bị**

- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố dự trù, đảm bảo trang bị đủ cơ sở máy móc, vật tư, hóa chất cho công tác phòng, chống dịch Sốt xuất huyết trên địa bàn.

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh phân phối hỗ trợ các Trung tâm Y tế thiếu máy móc, vật tư, hóa chất cho công tác chống dịch Sốt xuất huyết.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện phòng, chống dịch sốt xuất huyết từ các nguồn sau: Nguồn ngân sách tỉnh đã giao cho chương trình y tế - dân số năm 2022, ngân sách cấp huyện hỗ trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Tổng dự toán kinh phí thực hiện từ nguồn chương trình y tế - dân số năm 2022: **5.500.000.000 đồng**.

Bằng chữ: *Năm tỷ năm trăm triệu đồng chẵn.*

*(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)*

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Đề nghị Sở Tài chính**

Phối hợp Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí phòng, chống dịch sốt xuất huyết theo quy định.

#### **2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh**

- Làm đầu mối tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này; chủ động mua sắm vật tư, trang thiết bị, hóa chất, máy móc kịp thời phục vụ chống dịch; thanh quyết toán cho Trung tâm Y tế (TTYT) huyện, thành phố các mục chi theo kế hoạch và đúng quy định hiện hành.

- Hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật cho TTYT các huyện, thành phố triển khai có hiệu quả chiến dịch vệ sinh môi trường, diệt lăng quăng, bọ gậy, phun hóa chất diệt muỗi; đồng thời, phối hợp triển khai các đợt phun hóa chất tăng cường dập dịch diện rộng ở các địa phương có nguy cơ bùng phát dịch sốt xuất huyết.

- Phối hợp các đơn vị truyền thông của tỉnh và các địa phương tổ chức các hoạt động tuyên truyền phòng chống dịch trên địa bàn tỉnh đa dạng, phù hợp, dễ hiểu.

- Tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát tại các điểm nóng, các khu vực có nguy cơ bùng phát dịch, hỗ trợ tuyến dưới trong công tác phòng, chống dịch.

- Tham mưu Sở Y tế chỉ đạo tăng cường công tác phòng, chống dịch sốt xuất huyết trên địa bàn tỉnh.

### **3. Trung tâm Y tế các huyện, thành phố**

- Tham mưu UBND huyện, thành phố trực tiếp chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng ban ngành, đoàn thể; ban hành kế hoạch tăng cường phòng, chống sốt xuất huyết 6 tháng cuối năm 2022, đảm bảo kinh phí, trang thiết bị, vật tư phòng chống dịch tại địa phương.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình, diễn biến dịch bệnh tại địa phương, chủ động lên phương án chống dịch, đưa ra các giải pháp phù hợp với diễn tiến dịch tại địa phương; báo cáo kết quả về Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

- Triển khai các lớp tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động của cán bộ y tế tuyến xã, hướng dẫn kỹ năng vãng gia hộ gia đình cho cộng tác viên. củng cố, kiện toàn các đội chống dịch cơ động.

- Tổ chức diệt lăng quăng định kỳ hàng tuần, phối hợp phun hóa chất diệt muỗi trong khuôn viên các cơ sở y tế trên địa bàn, bảo đảm dịch sốt xuất huyết không lây lan trong cơ sở y tế.

- Phối hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh triển khai các đợt phun hóa chất tăng cường dập dịch diện rộng ở các địa phương có nguy cơ bùng phát dịch sốt xuất huyết.

- Chỉ đạo Trạm Y tế xã, phường, thị trấn:

+ Phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý chương trình và cán bộ hỗ trợ quản lý chương trình phòng, chống sốt xuất huyết trên địa bàn.

+ Thực hiện điều tra, giám sát ca bệnh, ổ dịch trên địa bàn; phối hợp với TTYT huyện, thành phố trong công tác phun hóa chất xử lý ổ dịch.

+ Tham mưu UBND xã, phường, thị trấn:

○ Trực tiếp chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng ban ngành, đoàn thể; ban hành kế hoạch tăng cường phòng, chống sốt xuất huyết 6 tháng cuối năm 2022 và chỉ đạo triển khai thực hiện các đợt chiến dịch.

○ Ký cam kết không có lãng quên giữa Chủ tịch UBND với các chủ hộ gia đình.

○ Thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện cam kết tại hộ gia đình. Có hình thức xử lý khi cộng tác viên, nhân viên y tế kiểm tra phát hiện hộ gia đình có lãng quên.

○ Tuyên truyền trong cộng đồng và thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế theo Nghị định 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ.

Trên đây là Kế hoạch tăng cường công tác phòng, chống dịch Sốt xuất huyết trên địa bàn tỉnh 6 tháng cuối năm 2022 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp triển khai thực hiện. Nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo về Sở Y tế để được hướng dẫn giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Y tế;
- UBND tỉnh;
- BGĐ Sở Y tế;
- Các đơn vị tại mục IV;
- Website SYT;
- Lưu: VT, KHTC, NV.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Bình**



**Phụ lục 1: Dự toán kinh phí tăng cường phòng, chống dịch SXHD 6 tháng cuối năm 2022**

(Đính kèm Kế hoạch số 4905 /KH-SYT ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai)

TT	Nội dung chi	Diễn giải	Kinh phí	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Kinh phí Xử lý ổ dịch SXHD (dự kiến 500 ổ dịch)</b>		<b>1.454.700.000</b>	
	Công thuê người phun hóa chất tại vùng I, dự kiến 300 ổ dịch	195.000 đ/công x 2 công x 300 ổ dịch x 2 lần phun	234.000.000	- Chi theo thực tế thuê khoán - Cập nhật mức lương tối thiểu vùng theo quy định hiện hành (Nếu có)
	Công thuê người phun hóa chất tại vùng II, dự kiến 100 ổ dịch	173.000 đ/công x 2 công x 100 ổ dịch x 2 lần phun	69.200.000	
	Công thuê người phun hóa chất tại vùng III, dự kiến 100 ổ dịch.	150.000đ/công x 2 công x 100 ổ dịch x 2 lần phun	60.000.000	
	Mua hóa chất diệt muỗi (1 ổ dịch/1 lít phun cho 550 hộ/100m2)	500 lít x 800.000 đ/l	400.000.000	Chi theo thực tế và định mức từng loại máy phun
	Xăng chạy máy (2 lít xăng/lít hóa chất)	1.000 lít x 33.000 đ/l	33.000.000	
	Nhớt pha xăng chạy máy (1 lít nhớt/30 lít xăng)	34 lít x 250.000 đ/l	8.500.000	
	Mua hóa chất diệt lăng quăng ABATE	18.000 chai x 25.000/chai	450.000.000	
	Công giám sát xử lý OD SXH, Zika (100% ổ dịch)	2 người/ ngày x 100.000đ/người/ ngày x 500 ổ dịch x 2 lần	200.000.000	Chi theo khoản 1a điều 3 Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg
<b>2</b>	<b>Kinh phí Phun hóa chất diện rộng (dự kiến 70 điểm phun tăng cường)</b>		<b>3.720.600.000</b>	
	Chi vào vùng dịch, giám sát phun tuyến tỉnh	100.000 đồng/người x 4 người/điểm x 2 lần phun x 70 điểm	56.000.000	Chi theo khoản 1a điều 3 Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg
	Chi vào vùng dịch, giám sát phun tuyến huyện, xã	100.000 đồng/người x 6 người/điểm x 2 lần phun x 70 điểm	84.000.000	Chi theo khoản 1a điều 3 Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg
	Mua hóa chất diệt muỗi	2.240 lít x 800.000đ/lít	1.792.000.000	Chi theo thực tế
	Dầu Diesel pha hóa chất sử dụng phun mù nhiệt (liều lượng 2lít/ha)	24.000 lít x 30.000đ/lít	720.000.000	Theo định mức máy phun đã kiểm định

TT	Nội dung chi	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
	Xăng chạy máy phun lớn	6.600 lít x 33.000đ/lít	217.800.000	<i>Chi theo thực tế</i>
	Xăng chạy máy phun hóa chất máy phun đeo vai (2 lít xăng/ 1 lít hóa chất)	1.400 lít x 33.000đ/lít	46.200.000	<i>Chi theo thực tế</i>
	Chi thuê xe chở máy phun	2.000.000đ/ chuyến x 140 chuyến	280.000.000	<i>- Chi theo thực tế thuê khoán - Cập nhật mức lương tối thiểu vùng theo quy định hiện hành (Nếu có)</i>
	Công thuê người phun hóa chất máy đeo vai	Vùng I (195.000 đ/công x 2120 công)	413.400.000	
		Vùng II (173.000 đ/công x 400 công)	69.200.000	
		Vùng III (150.000 đ/công x 280 công)	42.000.000	
<b>3</b>	<b>Kinh phí mua trang phục chống dịch</b>		<b>300.000.000</b>	
	Mua trang phục chống dịch (bộ quần áo, khẩu trang, mắt kính...)	3.000 bộ x 100.000đ/bộ	300.000.000	<i>Sử dụng chung cho 2 khoản trên</i>
<b>4</b>	<b>Kinh phí khác</b>		<b>24.700.000</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>5.500.000.000</b>	
<i>(Bảng chữ: Năm tỷ năm trăm triệu đồng chẵn)</i>				

**Ghi chú:**

*Vùng I: TP Biên Hòa, TP Long Khánh, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu*

*Vùng II: Định Quán, Thống Nhất, Xuân Lộc*

*Vùng III: Tân Phú, Cẩm Mỹ*



## Phụ lục 2: Bảng phân bổ dự kiến hóa chất, vật tư xử lý ổ dịch SXHD

(Đính kèm Kế hoạch số 4905 /KH-SYT ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai)

STT	Đơn vị	Hóa chất diệt muỗi (lít)	Hóa chất diệt lăng quăng (lít)	Xăng chạy máy (lít)	Nhớt pha xăng chạy máy (lít)	Máy phun đeo vai đang SD	Trang phục chống dịch
1	Biên Hòa	140	3.600	280	9,3	11	400
2	Long Khánh	30	1.440	60	2,0	7	160
3	Trảng Bom	80	1.800	160	5,3	7	200
4	Long Thành	40	1.440	80	2,7	10	160
5	Nhơn Trạch	40	2.160	80	2,7	6	240
6	Vĩnh Cửu	30	1.440	60	2,0	2	160
7	Định Quán	30	1.440	60	2,0	-	160
8	Thống Nhất	20	720	40	1,3	6	80
9	Xuân Lộc	30	1.440	60	2,0	6	160
10	Tân Phú	40	1.800	80	2,7	6	200
11	Cẩm Mỹ	20	720	40	1,3	5	80
12	CDC	-	-	-	-	12	1.000
<b>Tổng</b>		<b>500</b>	<b>18.000</b>	<b>1.000</b>	<b>33,3</b>	<b>78</b>	<b>3.000</b>





### Phụ lục 3: Bảng phân bổ dự kiến hóa chất, vật tư phun hóa chất diện rộng

(Đính kèm Kế hoạch số 4905 /KH-SYT ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai)

STT	Đơn vị	Số điểm xử lý	Số hộ xử lý (100m <sup>2</sup> )	Diện tích phun (ha)	Hóa chất máy đeo vai (lít)	Hóa chất máy lớn (lít)	Xăng chạy máy đeo vai (lít)	Xăng chạy máy lớn (lít)	Dầu phun mù nhiệt (lít)	Máy phun lớn (2 lần)	Máy đeo vai (2 lần)	Công phun
1	Biên Hòa	10	30.000	3.000	100	260	200	520	-	20	200	400
2	Long Khánh	4	12.000	1.200	40	104	80	208	-	8	80	160
3	Trảng Bom	5	15.000	1.500	50	130	100	260	-	10	100	200
4	Long Thành	4	12.000	1.200	40	104	80	208	-	8	80	160
5	Nhon Trạch	6	18.000	1.800	60	156	120	312	-	12	120	240
6	Vĩnh Cửu	4	12.000	1.200	40	104	80	208	-	8	80	160
7	Định Quán	4	12.000	1.200	40	104	80	208	-	8	80	160
8	Thống Nhất	2	6.000	600	20	52	40	104	-	4	40	80
9	Xuân Lộc	4	12.000	1.200	40	104	80	208	-	8	80	160
10	Tân Phú	5	15.000	1.500	50	130	100	260	-	10	100	200
11	Cẩm Mỹ	2	6.000	600	20	52	40	104	-	4	40	80
12	CDC	20	60.000	6.000	200	240	400	4.000	24.000	40	400	800
<b>Tổng</b>		<b>70</b>	<b>210.000</b>	<b>21.000</b>	<b>700</b>	<b>1.540</b>	<b>1.400</b>	<b>6.600</b>	<b>24.000</b>	<b>140</b>	<b>1.400</b>	<b>2.800</b>

**Ghi chú:** Số hộ xử lý 3.000 hộ/điểm; Diện tích xử lý 300 ha/điểm.

Liều lượng phun hóa chất theo nhãn chai nhà sản xuất.